

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 10
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 1127/2026/DS-ST

Ngày: 02 - 6 - 2026

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 - TP. HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Xuân Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Đặng Văn Ân
- Ông Phạm Văn Tuyên

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tâm – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 10 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 10, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Thái - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 6 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 10 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 1341/2025/TLST-DS ngày 17 tháng 12 năm 2025 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1477/2026/QĐXXST-DS ngày 17 tháng 4 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 1853/2026/QĐST-DS ngày 11 tháng 5 năm 2026 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty Tài chính TNHH Một thành viên M

Địa chỉ trụ sở: Phường S, Thành phố H.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lee Yun H – Chức danh: Tổng Giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền: Công ty Luật TNHH MTV T

(Văn bản ủy quyền ngày 17/4/2025)

Ủy quyền lại cho bà Lâm Thị Thùy D, sinh năm 2000

Địa chỉ liên hệ: Phường T, Thành phố H.

(Văn bản ủy quyền ngày 17/4/2025)

2. Bị đơn: Bà Phạm Thị L, sinh năm 1973

Địa chỉ: Phường P, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 28/8/2025 và trong quá trình giải quyết, nguyên đơn Công ty Tài chính TNHH Một thành viên M do bà Lâm Thị Thùy D đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngày 09/12/2023 Công ty Tài chính TNHH Một thành viên M (Sau đây gọi tắt là Công ty M) và bà Phạm Thị L có ký Đề nghị vay vốn kiêm Hợp đồng tín dụng số 5121525 để cho bà L vay số tiền 21.432.300 đồng (Hai mươi một triệu bốn trăm ba mươi hai nghìn ba trăm đồng), mục đích tiêu dùng cá nhân, lãi suất trong hạn là 50%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn là 75%/năm, lãi suất chậm trả là 10%/năm, thời hạn vay từ ngày tiếp theo ngày giải ngân đến ngày 25/5/2026, hình thức tín chấp, không có thế chấp tài sản bảo đảm.

Đồng thời, để bảo hiểm sức khỏe người vay vốn trong thời gian thực hiện Hợp đồng tín dụng, bà L có ký với Công ty Bảo hiểm T 03 Hợp đồng bảo hiểm gồm: Hợp đồng bảo hiểm số M/TNNNV/20231212/00183654-1 có thời hạn bảo hiểm từ 00 giờ 00 phút ngày 11/12/2023 đến 00 giờ 00 phút ngày 11/12/2024, phí bảo hiểm là 614.263 đồng (Sáu trăm mười bốn nghìn hai trăm sáu mươi ba đồng); Hợp đồng bảo hiểm số M/TNNNV/20231212/00183654-2 có thời hạn bảo hiểm từ 00 giờ 00 phút ngày 11/12/2024 đến 00 giờ 00 phút ngày 11/12/2025, phí bảo hiểm là 612.584 đồng (Sáu trăm mười hai nghìn năm trăm tám mươi bốn đồng); Hợp đồng bảo hiểm số M/TNNNV/20231212/00183654-3 có thời hạn bảo hiểm từ 00 giờ 00 phút ngày 11/12/2025 đến 00 giờ 00 phút ngày 11/6/2026, phí bảo hiểm là 305.453 đồng (Ba trăm lẻ năm nghìn bốn trăm năm mươi ba đồng). Theo đó, bà L là người được bảo hiểm trong trường hợp tử vong hoặc bị thương tật vĩnh viễn do tai nạn thì Công ty M là người được ưu tiên thụ hưởng khoản tiền bảo hiểm. Đây không phải là giao dịch bảo đảm cho việc thực hiện nghĩa vụ thanh toán của bà L theo Hợp đồng tín dụng nên Công ty Bảo hiểm T không có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

Sau khi ký hợp đồng, Công ty M đã giải ngân đủ số tiền vay trên cho bà L gồm: Chuyển khoản qua tài khoản cá nhân của bà L số tiền 19.900.000 đồng (Mười chín triệu chín trăm nghìn đồng) và nộp thay bà L phí bảo hiểm cho Công ty Bảo hiểm T là 1.532.300 đồng (Một triệu năm trăm ba mươi hai nghìn ba trăm đồng).

Theo nội dung thỏa thuận của Đề nghị vay vốn kiêm Hợp đồng tín dụng thì bà L có trách nhiệm trả cho Công ty M tiền gốc và lãi trong thời hạn 30 tháng kể từ ngày 25/12/2023 đến ngày 25/5/2026, cụ thể từng kỳ thanh toán như sau:

- Từ kỳ thanh toán thứ 01 đến kỳ thanh toán thứ 17 trả tiền lãi hàng tháng.
- Từ kỳ thanh toán thứ 18 đến kỳ thanh toán thứ 27 trả tiền gốc cùng với tiền lãi hàng tháng số tiền là 2.169.633 đồng (Hai triệu một trăm sáu mươi chín nghìn sáu trăm ba mươi ba đồng).
- Kỳ thanh toán thứ 28 trả tiền gốc cùng với tiền lãi hàng tháng số tiền là 1.996.969 đồng (Một triệu chín trăm chín mươi sáu nghìn chín trăm sáu mươi chín đồng).
- Kỳ thanh toán thứ 29 trả tiền gốc cùng với tiền lãi hàng tháng số tiền là 1.996.358 đồng (Một triệu chín trăm chín mươi sáu nghìn ba trăm năm mươi tám đồng).

- Kỳ thanh toán thứ 30 (kỳ cuối) trả tiền gốc cùng với tiền lãi hàng tháng số tiền là 2.083.983 đồng (Hai triệu không trăm tám mươi ba nghìn chín trăm tám mươi ba đồng).

Tuy nhiên, kể từ khi giải ngân đến nay, bà L chỉ mới thanh toán cho Công ty được 10 lần với tổng số tiền là 9.018.733 đồng (Chín triệu không trăm mười tám nghìn bảy trăm ba mươi ba đồng), cụ thể như sau:

+ Ngày 25/12/2023 bà L trả cho Công ty số tiền 835.000 đồng (Tám trăm ba mươi lăm nghìn đồng).

+ Ngày 25/01/2024 bà L trả cho Công ty số tiền 922.000 đồng (Chín trăm hai mươi hai nghìn đồng).

+ Ngày 25/02/2024 bà L trả cho Công ty số tiền 922.000 đồng (Chín trăm hai mươi hai nghìn đồng).

+ Ngày 25/3/2024 bà L trả cho Công ty số tiền 863.000 đồng (Tám trăm sáu mươi ba nghìn đồng).

+ Ngày 26/4/2024 bà L trả cho Công ty số tiền 922.000 đồng (Chín trăm hai mươi hai nghìn đồng).

+ Ngày 22/5/2024 bà L trả cho Công ty số tiền 893.000 đồng (Tám trăm chín mươi ba nghìn đồng).

+ Ngày 21/6/2024 bà L trả cho Công ty số tiền 922.000 đồng (Chín trăm hai mươi hai nghìn đồng).

+ Ngày 26/7/2024 bà L trả cho Công ty số tiền 892.594 đồng (Tám trăm chín mươi hai nghìn năm trăm chín mươi bốn đồng).

+ Ngày 27/8/2024 bà L trả cho Công ty số tiền 922.139 đồng (Chín trăm hai mươi hai nghìn một trăm ba mươi chín đồng).

+ Ngày 05/10/2024 bà L trả cho Công ty số tiền 925.000 đồng (Chín trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

Mặc dù đã được Công ty M nhiều lần liên hệ nhắc nhở và gửi thư đề nghị thanh toán nợ, nhưng từ ngày 05/10/2024 đến nay bà L vẫn không thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận đã ký với Công ty M.

Do đó, Công ty M khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Phạm Thị L thanh toán một lần toàn bộ khoản vay cho Công ty M với tổng số tiền tạm tính đến ngày 06/5/2025 là 27.829.751 đồng (Hai mươi bảy triệu tám trăm hai mươi chín nghìn bảy trăm năm mươi một đồng), trong đó nợ gốc là 21.432.300 đồng (Hai mươi một triệu bốn trăm ba mươi hai nghìn ba trăm đồng); lãi trong hạn là 6.223.808 đồng (Sáu triệu hai trăm hai mươi ba nghìn tám trăm lẻ tám đồng); lãi chậm trả là 173.643 đồng (Một trăm bảy mươi ba nghìn sáu trăm bốn mươi ba đồng). Buộc bà Phạm Thị L tiếp tục thanh toán lãi, phí phát sinh từ ngày 07/5/2025 cho đến khi thanh toán hết nợ.

Bị đơn bà Phạm Thị L đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng,

nhưng bà L vẫn vắng mặt, không rõ lý do; bà L cũng không cung cấp cho Tòa án văn bản thể hiện ý kiến về yêu cầu khởi kiện của Công ty M.

Do nguyên đơn có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải nên vụ án không hòa giải được.

Tại phiên tòa,

- Nguyên đơn Công ty M do bà Lâm Thị Thùy D đại diện theo ủy quyền giữ nguyên yêu cầu khởi kiện là yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Phạm Thị L thanh toán một lần toàn bộ khoản vay cho Công ty M với tổng số tiền tạm tính đến ngày 02/6/2026 là 42.842.384 đồng (Bốn mươi hai triệu tám trăm bốn mươi hai nghìn ba trăm tám mươi bốn đồng), trong đó nợ gốc là 21.432.300 đồng (Hai mươi một triệu bốn trăm ba mươi hai nghìn ba trăm đồng); lãi trong hạn là 12.565.148 đồng (Mười hai triệu năm trăm sáu mươi lăm nghìn một trăm bốn mươi tám đồng); lãi quá hạn là 7.554.066 đồng (Bảy triệu năm trăm năm mươi bốn nghìn không trăm sáu mươi sáu đồng); lãi chậm trả là 1.290.870 đồng (Một triệu hai trăm chín mươi nghìn tám trăm bảy mươi đồng). Đồng thời, buộc bà Phạm Thị L tiếp tục thanh toán lãi, phí phát sinh từ ngày 03/6/2026 cho đến khi thanh toán hết nợ.

- Bị đơn bà Phạm Thị L vắng mặt không lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 10 – Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Nguyên đơn Công ty M khởi kiện yêu cầu bà Phạm Thị L trả số tiền vay theo Hợp đồng tín dụng được ký kết giữa các bên. Đây là tranh chấp về giao dịch dân sự, hợp đồng dân sự có quan hệ pháp luật là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”. Bị đơn bà Phạm Thị L hiện cư trú tại phường P, Thành phố H nên căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thành lập Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực, quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực;

Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của các Tòa án nhân dân thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 10 - Thành phố Hồ Chí Minh.

[2]. Về thủ tục tố tụng: Bị đơn bà Phạm Thị L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3]. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy như sau:

[3.1]. Căn cứ Đề nghị vay vốn kiêm Hợp đồng tín dụng số 5121525 ngày 09/12/2023 được ký kết giữa bên đề nghị vay vốn bà Phạm Thị L với bên cho vay Công ty M có cơ sở xác định bà Phạm Thị L có vay tiền của Công ty M.

Nội dung Đề nghị vay vốn kiêm Hợp đồng tín dụng thể hiện sự thỏa thuận tự nguyện của các bên và không trái pháp luật nên có hiệu lực; phù hợp với các quy định tại Điều 117, Điều 463 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[3.2.]. Căn cứ phiếu báo nợ ngày 11/12/2023 của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ Thương Việt Nam có nội dung thanh toán: “*M chuyển tiền GN Phạm Thị L HD 5121525*” và Giấy chứng nhận Bảo hiểm tai nạn nhóm người vay số M/TNNNV/20231212/00183654-1, số M/TNNNV/20231212/00183654-2 và số M/TNNNV/20231212/00183654-3 ngày 11/12/2023 của Công ty Bảo hiểm T xác định Công ty M đã giải ngân cho bà L đủ số tiền vay theo thỏa thuận tại tiểu mục 7.4 mục 7 của Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 5121525 ngày 09/12/2023.

[3.3]. Theo nội dung thỏa thuận được ghi nhận trong Đề nghị vay vốn kiêm Hợp đồng tín dụng thì bà Phạm Thị L có trách nhiệm thanh toán tiền gốc và lãi hàng tháng cho Công ty M trong thời hạn 24 tháng kể từ ngày 25/12/2023 đến ngày 25/5/2026. Tuy nhiên, bà L chỉ mới thanh toán cho Công ty M tổng số tiền (từ ngày 25/12/2023 đến ngày 05/10/2024) là 9.018.733 đồng (Chín triệu không trăm mười tám nghìn bảy trăm ba mươi ba đồng) thì ngưng, không thanh toán nữa. Tính đến ngày 02/6/2026 bà Phạm Thị L còn nợ Công ty M số tiền là 42.842.384 đồng (Bốn mươi hai triệu tám trăm bốn mươi hai nghìn ba trăm tám mươi bốn đồng), trong đó nợ gốc là 21.432.300 đồng (Hai mươi một triệu bốn trăm ba mươi hai nghìn ba trăm đồng); lãi trong hạn là 12.565.148 đồng (Mười hai triệu năm trăm sáu mươi lăm nghìn một trăm bốn mươi tám đồng); lãi quá hạn là 7.554.066 đồng (Bảy triệu năm trăm năm mươi bốn nghìn không trăm sáu mươi sáu đồng); lãi chậm trả là 1.290.870 đồng (Một triệu hai trăm chín mươi nghìn tám trăm bảy mươi đồng). Do bà L đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Công ty M yêu cầu bà L thanh toán một lần toàn bộ số tiền còn nợ nêu trên và tiền lãi phát sinh tính từ ngày 03/6/2026 cho đến khi bà L thanh toán xong các khoản nợ theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong Đề nghị vay vốn kiêm Hợp đồng tín dụng đã ký là phù hợp với thỏa thuận của các bên tại mục 8 Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 3930478 ngày 13/11/2022 và đúng theo quy định tại Điều 280, khoản 1 Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Điều 91, Điều 95 và Điều 108 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 23 và 25 của Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng.

[3.3]. Theo kết quả xác minh của Công an phường P, Thành phố H thì bà Phạm Thị L có hộ khẩu thường trú và thực tế cư trú tại địa chỉ phường P, Thành phố H.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bà L đã được tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, trong đó nêu rõ yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn trả một lần toàn bộ số tiền còn nợ của Đề nghị vay vốn kiêm Hợp đồng tín dụng nhưng bị đơn không có ý kiến phản đối yêu cầu của nguyên đơn.

Theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự thì một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh. Do bà L không phản đối yêu cầu và chứng cứ mà bên nguyên đơn đưa ra nên coi như bà L chấp nhận yêu cầu trên của nguyên đơn.

[3.4]. Từ những nhận định và phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn số tiền nợ phát sinh từ Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 5121525 ngày 09/12/2023 là 42.842.384 đồng (Bốn mươi hai triệu tám trăm bốn mươi hai nghìn ba trăm tám mươi bốn đồng), trong đó nợ gốc là 21.432.300 đồng (Hai mươi một triệu bốn trăm ba mươi hai nghìn ba trăm đồng); lãi trong hạn là 12.565.148 đồng (Mười hai triệu năm trăm sáu mươi lăm nghìn một trăm bốn mươi tám đồng); lãi quá hạn là 7.554.066 đồng (Bảy triệu năm trăm năm mươi bốn nghìn không trăm sáu mươi sáu đồng); lãi chậm trả là 1.290.870 đồng (Một triệu hai trăm chín mươi nghìn tám trăm bảy mươi đồng) và bị đơn phải tiếp tục thanh toán tiền lãi phát sinh kể từ ngày 03/6/2026 theo mức lãi suất quy định trong hợp đồng đã giao kết cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

[4]. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 10, Thành phố Hồ Chí Minh là phù hợp với nhận định nêu trên của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[5]. Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 92; Điều 227; Điều 228; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;
- Căn cứ Điều 117, Điều 280, Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Căn cứ Điều 91, Điều 95 và Điều 108 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Căn cứ Điều 23 và Điều 25 của Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài;

- Căn cứ Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thành lập Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực, quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực;

- Căn cứ Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của các Tòa án nhân dân;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Tài chính TNHH Một thành viên M đối với bà Phạm Thị L về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng.

2. Buộc bà Phạm Thị L có nghĩa vụ trả cho Công ty Tài chính TNHH Một thành viên M số tiền nợ phát sinh từ Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 5121525 ngày 09/12/2023 là 42.842.384 đồng (Bốn mươi hai triệu tám trăm bốn mươi hai nghìn ba trăm tám mươi bốn đồng), trong đó nợ gốc là 21.432.300 đồng (Hai mươi một triệu bốn trăm ba mươi hai nghìn ba trăm đồng); lãi trong hạn là 12.565.148 đồng (Mười hai triệu năm trăm sáu mươi lăm nghìn một trăm bốn mươi tám đồng); lãi quá hạn là 7.554.066 đồng (Bảy triệu năm trăm năm mươi bốn nghìn không trăm sáu mươi sáu đồng); lãi chậm trả là 1.290.870 đồng (Một triệu hai trăm chín mươi nghìn tám trăm bảy mươi đồng).

Kể từ ngày 03/6/2026 cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng đã ký kết.

3. Về án phí: Bà Phạm Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.142.119 đồng (Hai triệu một trăm bốn mươi hai nghìn một trăm mười chín đồng).

Hoàn lại cho Công ty Tài chính TNHH Một thành viên M số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 695.744 đồng (Sáu trăm chín mươi lăm nghìn bảy trăm bốn mươi bốn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0038109 ngày 13/11/2025 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Các quyền và nghĩa vụ thi hành án của các đương sự được thực hiện tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

5. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, riêng đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được niêm yết hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b, 9 Luật thi hành án dân sự năm 2008, sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008, sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Cơ quan Thi hành án dân sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**



Bùi Xuân Hương